

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1- LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2025/HNGĐ-ST
Ngày 16-7-2025
Về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1- LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Văn

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Minh Hiền, bà Bùi Thị Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hà – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1- Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1- Lào Cai, tham gia phiên tòa:
không tham gia.

Ngày 16 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Lào Cai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 129/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2025, về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 02 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Tiến D, sinh năm 1979, số căn cước công dân: 036.079.008.811, cấp ngày 01/11/2022, nơi cấp: Cục Cảnh sát về trật tự xã hội – Bộ C.

Địa chỉ: Số E, khu Q, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định (nay là 51, Thích Thế L, phường N, tỉnh Ninh Bình).

- Bị đơn: Chị Trần Thị P, sinh năm 1981; số căn cước công dân: 015.181.001.301, cấp ngày 13/4/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát về trật tự xã hội – Bộ C.

Địa chỉ: Tổ 14, phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

(nay là tổ dân phố Đồng Tâm 14, phường Yên Bái, tỉnh Lào Cai).

Các đương sự vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn anh Nguyễn Tiến D trình bày:

Anh và chị Trần Thị P đăng ký kết hôn ngày 28/7/2020, tại UBND phường Đ, thành phố Y, tỉnh Yên Bái (nay là phường Y, tỉnh Lào Cai). Sau khi kết hôn, vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống dẫn đến cãi vã nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 01/2024 đến nay, anh xác định tình cảm vợ chồng đã hết và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Trần Thị P.

Về nuôi con: Anh và chị P có 01 con chung là Nguyễn Minh A, sinh ngày 04/10/2022; anh đề nghị để chị P được trực tiếp nuôi dưỡng cháu A, anh cấp dưỡng nuôi con 5.000.000đồng/1 tháng. Tại Biên bản về việc không hòa giải được ngày 19/6/2025, anh vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đồng ý cấp dưỡng nuôi con mức 8.000.000đồng/1 tháng theo yêu cầu tại bản tự khai của chị Trần Thị P.

Về chia tài sản, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai của chị Trần Thị P thể hiện:

Chị và anh Nguyễn Tiến D đăng ký kết hôn ngày 28/7/2020, tại UBND phường Đ, thành phố Y, tỉnh Yên Bái (nay là phường Y, tỉnh Lào Cai) trên cơ sở có được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 10/2023 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do anh bỏ đi S, không quan tâm đến vợ con trong khi con bị tự kỷ, vợ chồng tính tình không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3/2024 đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Tiến D.

Về nuôi con: Chị và anh D có 01 con chung là Nguyễn Minh A, sinh ngày 04/10/2022; Chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu A, yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con mức 8.000.000đồng/01 tháng.

Về chia tài sản, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con; bị đơn chị Phạm Thị P1 có hộ khẩu thường trú tại phường Đ, thành phố Y (nay là phường Y, tỉnh Lào Cai), nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của

Tòa án nhân dân Khu vực 1- Lào Cai theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 Sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải Đối thoại tại Tòa án

Nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Tiến D và chị Trần Thị P đăng ký kết hôn ngày 28/7/2020, tại UBND phường Đ, thành phố Y, tỉnh Yên Bái (nay là phường Y, tỉnh Lào Cai) trên cơ sở tự nguyện, là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Anh D1 và chị P đều xác nhận cuộc sống chung vợ chồng có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Anh Dũng cho rằng cuộc sống chung vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã nhau. Chị P cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn do anh bỏ đi S, không quan tâm đến vợ con trong khi con bị tự kỷ, vợ chồng tính tình không hợp nhau. Anh chị đều xác định vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2024 đến nay và đều xác định tình cảm vợ chồng đã hết đề nghị được giải quyết ly hôn. Từ đó, có căn cứ cho rằng mâu thuẫn giữa anh D1 và chị P đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu ly hôn của anh D1, chị P là có cơ sở và cần được chấp nhận.

[3] Về nuôi con: Anh Dũng, chị P xác nhận có 01 con chung là Nguyễn Minh A, sinh ngày 04/10/2022; Anh chị đều đề nghị để chị P được trực tiếp nuôi dưỡng cháu A, anh cấp dưỡng nuôi con mức 8.000.000đồng/1 tháng. Đây là sự tự thỏa thuận của anh chị, hiện cháu A đang sinh sống cùng chị. Do đó, cần giao cháu A cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi. Anh Dũng cấp dưỡng nuôi con mức 8.000.000đồng/ 1 tháng là phù hợp với ý chí của các đương sự và quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xét.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo:

Anh Dũng, chị P phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147; các Điều 227; 228; 238; 271; 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Các Điều 81, 82, 83, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ các Điều 357; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Tiến D được ly hôn chị Trần Thị P.

2. Về nuôi con: Giao chị Trần Thị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu: Nguyễn Minh A, sinh ngày 04/10/2022; Anh Nguyễn Tiến D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con số tiền là 8.000.000 (tám triệu) đồng/01 tháng cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Kể từ ngày chị P có đơn yêu cầu thi hành án mà anh D chưa thi hành xong khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự đối với số tiền chậm trả, tương ứng với thời gian chưa thi hành án

Người không trực tiếp nuôi con, có quyền nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Tiến D phải chịu 75.000 (bảy mươi lăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí về cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số: AA/2024/0001683 ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Yên Bái. Anh Dũng còn phải nộp 75.000 (bảy mươi lăm nghìn) đồng. Chị Trần Thị P phải chịu 75.000 (bảy mươi lăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn

4. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Tiến D, chị Trần Thị P được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Lào Cai;
- VKSND khu vực 1- Lào Cai;
- THADS tỉnh;
- Các đương sự;
- UBND phường Yên Bái, tỉnh Lào Cai;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Văn

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Văn